CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI LÀM VIỆC SÁNG TẠO VÀ HIỆU QUẢ LÀM VIỆC CỦA NHÂN VIÊN TẠI CÁC CÔNG TY VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19

Huỳnh Lương Tâm[1*], Huỳnh Lương Huy Thông[1]

[1] Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh

[*] Tác giả liên hệ: Email: tam.hl@ou.edu.vn

Ngày nhận bài: 14/10/2024 Ngày chấp nhận: 21/11/2024 Ngày đăng: 25/04/2025

DOI: 10.52932/jfm.v16i2.652

Phụ lục 1. Thang đo nghiên cứu

Mã hóa biến	Biến quan sát	Nguồn gốc
	Cảm giác mất an toàn trong công việc	
JIS1	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi nghĩ rằng sẽ bị thất nghiệp trong tương lai gần	Witte (1999) và Shin và cộng sự (2019)
JIS2	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi không chắc chắn rằng mình có thể giữ công việc của mình	
JIS3	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi có nguy cơ mất việc trong tương lai gần	
JIS4	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi cảm thấy không chắc chắn về tương lai công việc	
JIS5	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi có khả năng bị giảm lương trong tương lai gần	Kết quả của nghiên cứu định tính
JIS6	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi cảm thấy sẽ bị buột cắt giảm thời gian làm việc trong tương lai gần	
JIS7	Trong giai đoạn dịch Covid-19, lịch/thời gian làm việc của tôi bị thay đổi	
WFC1	Trong giai đoạn dịch Covid-19, công việc có gây cản trở cho cuộc sống gia đình tôi	Netemeyer và cộng sự (1996)
WFC2	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi khó hoàn thành trách nhiệm với gia đình vì các yêu cầu của công việc	
WFC3	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi có ít thời gian sinh hoạt gia đình vì các yêu cầu của công việc	
WFC4	Trong giai đoạn dịch Covid-19, sự căng thẳng trong công việc khiến tôi khó hoàn thành các nghĩa vụ gia đình	
WFC5	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi thường thay đổi các kế hoạch của gia đình vì các nhiệm vụ trong công việc	
WFC6	Trong giai đoạn dịch Covid-19, những yêu cầu của gia đình hay vợ/chồng của tôi thường gây cản trở đến việc làm việc	
WFC7	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi phải trì hoãn công việc vì thời gian dành cho gia đình	
WFC8	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi không thể thực hiện những điều mình muốn làm trong công việc vì các yêu cầu của gia đình hoặc vợ/chồng tôi	
WFC9	Trong giai đoạn dịch Covid-19, cuộc sống gia đình cản trở trách nhiệm của tôi trong công việc như: làm đúng giờ, hoàn thành công việc đúng hạn và làm thêm giờ.	

Mã hóa biến	Biến quan sát	Nguồn gốc
WFC10	Trong giai đoạn dịch Covid-19, các căng thẳng từ gia đình cản trở khả năng thực hiện công việc của tôi.	
WFC11	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi phải lo phòng chống dịch cho gia đình và bản thân nên không còn đủ thời gian làm việc.	Kết quả của nghiên cứu định tính
WFC12	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi lo sợ bản thân và gia đình nhiễm Covid nên hay phân tâm trong công việc	
WFC13	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi/người thân của tôi bị nhiễm Covid nên không thể làm việc	
WFC14	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi phải lo lắng các vấn đề về thực phẩm cho gia đình nên không còn thời gian làm việc công ty	
	Áp lực công nghệ	
TS1	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi không hài lòng khi mình không đủ khả năng sử dụng công nghệ để giải quyết công việc	Lee (2021)
TS2	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi cần nhiều thời gian để hiểu và sử dụng công nghệ mới	
TS3	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi không đủ thời gian để học và cập nhật các kĩ năng sử dụng công nghệ mới	
TS4	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi thường thấy khó khăn trong việc tìm hiểu và sử dụng công nghệ mới	
TS5	Trong giai đoạn dịch Covid-19, khi sử dụng công nghệ, tôi phải làm việc nhiều hơn so với bình thường	
TS6	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi phải tiếp nhận các thông tin không cần thiết khi sử dụng công nghệ để làm việc	
TS7	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi phải làm việc nhanh hơn khi sử dụng công nghệ để làm việc	
TS8	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi phải làm việc với thời gian biểu chặt chẽ khi sử dụng công nghệ.	
TS9	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi cảm thấy cuộc sống cá nhân bị ảnh hưởng bởi công nghệ	
TS10	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi dành ít thời gian cho gia đình hơn do sử dụng công nghệ để làm việc	
TS11	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi phải dành thời gian riêng của bản thân để theo kịp công nghệ mới	
TS12	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi nghĩ rằng luôn luôn có những phát triển mới trong công nghệ kỹ thuật số	
TS13	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi nghĩ rằng luôn luôn có những thay đổi liên tục trong công nghệ	
TS14	Trong giai đoạn dịch Covid-19, chi phí internet và tiền điện cao làm tăng chi phí sinh hoạt của gia đình tôi	Kết quả của nghiên cứu định tính
TS15	Trong giai đoạn dịch Covid-19, tôi không thích ứng dụng công nghệ để làm việc	
	Hành vi làm việc sáng tạo	
IWB1	Trong giai đoạn Covid-19, tôi luôn tìm kiếm công nghệ, quy trình, kỹ thuật và / hoặc ý tưởng sản phẩm mới cho công ty.	

Mã hóa biến	Biến quan sát	Nguồn gốc
IWB2	Trong giai đoạn Covid-19, tôi thường đưa ra những ý tưởng sáng tạo cho công ty.	Scott và Bruce (1994)
IWB3	Trong giai đoạn Covid-19, tôi thường thúc đẩy và đưa ra những ý tưởng cho đồng nghiệp.	
IWB4	Trong giai đoạn Covid-19, tôi thường đầu tư nguồn lực, thời gian cần thiết để thực hiện các ý tưởng mới cho công việc.	
IWB5	Trong giai đoạn Covid-19, tôi thường có kế hoạch để triển khai các ý tưởng mới cho công việc	
IWB6	Trong giai đoạn Covid-19, tôi luôn sáng tạo, đổi mới cách làm việc của mình để phù hợp với hoàn cảnh.	
IWB7	Trong giai đoạn Covid-19, tôi thường suy nghĩ nhiều cách để hoàn thành công việc.	Kết quả của nghiên cứu định tính
IWB8	Trong giai đoạn Covid-19, tôi có thời gian tìm kiếm những điều mới để ứng dụng trong công việc.	
IWB9	Trong giai đoạn Covid-19, tôi luôn tìm cách thích nghi với hoàn cảnh mới.	
	Hiệu quả làm việc	
JP1	Trong giai đoạn Covid-19, tôi hoàn thành trách nhiệm công việc của mình	Vo-Thanh và cộng sự (2020)
JP2	Trong giai đoạn Covid-19, tôi đáp ứng các tiêu chuẩn thực hiện và kỳ vọng của công việc	
JP3	Trong giai đoạn Covid-19, kết qủa công việc của tôi làm hài lòng người quản lý của tôi	
JP4	Trong giai đoạn Covid-19, hiệu suất của tôi vẫn tốt như trước COVID-19	
JP5	Trong giai đoạn Covid-19, tôi có đủ năng lực để thực hiện công việc của mình một cách hiệu quả	
JP6	Trong giai đoạn Covid-19, kết quả các công việc của tôi đều có chất lượng cao	
JP7	Trong giai đoạn Covid-19, tôi luôn hoàn thành công việc đúng tiến độ.	Kết quả của nghiên cứu định tính
JP8	Trong giai đoạn Covid-19, tôi hoàn thành khối lượng công việc của mình	
JP9	Trong giai đoạn Covid-19, tôi được cấp trên khen về kết quả công việc.	
JP10	Trong giai đoạn Covid-19, kết quả công việc của tôi được đồng nghiệp khen ngợi.	
JP11	Trong giai đoạn Covid-19, tôi hài lòng với kết quả của tôi trong mùa dịch Covid	

Phụ lục 2. Mô tả thống kê mẫu theo các đặc tính

		Tần số	%
Giới tính	Nam	318	60,5%
	Nữ	208	39,5%
Tuổi	Từ 18-30 tuổi	226	43%
	Từ 31-40 tuổi	164	31,2%
	Từ 41-50 tuổi	106	20,2%
	Từ 51 tuổi trở lên	30	5,6%
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	196	37,3%
	Đã kết hôn	295	55,1%
	Đã ly hôn/ly thân	35	7,6%
Trình độ học vấn	Tốt nghiệp Trung cấp – Cao Đẳng	39	8,2%
	Tốt nghiệp Đại Học	393	65,2%

	Tốt nghiệp sau Đại Học	94	26,6%
Thời gian công tác tại tổ chức hiện tại	< 2 năm	266	50,6%
	2-5 năm	203	38,6%
	Nhiều hơn 5 năm	57	10,8%
Đơn vị công tác	Công ty TNHH/ tư nhân	197	37,5%
	Công ty Cổ Phần	85	16,2%
	Công ty có vốn đầu tư nước ngoài	33	6,3%
	Doanh nghiệp Nhà Nước	211	40,1%
Thu nhập trung bình mỗi tháng	Ít hơn 10 triệu	81	15,4%
	Từ 10-20 triệu	271	51,6%
	Từ 20-30 triệu	137	26%
	Lớn hơn 30 triệu	37	7%
Lĩnh vực đang hoạt động	Tài chính/ngân hàng/bảo hiểm	121	23,0%
	Quản trị/Quản lý	53	10,1%
	Công nghệ thông tin	171	32,5%
	Kỹ thuật điện tử và viễn thông	61	11,6%
	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	26	4,9%
	Y học	24	4,6%
	Ngành khác	70	13,3%

Phụ lục 3. Kết quả kiểm định hệ số Cronbach Alpha

Biến quan sát	**Trung bình thang đo nếu loại biến**	**Phương sai thang đo nếu loại biến**	**Tương quan biến tổng**	**Hệ số Cronbach Alpha nếu loại biến**
Nhân tố Cảm giác mất an toàn trong công việc (Cronbach Alpha = 0,867)				
JIS1	18,52	23,206	0,695	0,838
JIS2	18,48	23,846	0,671	0,843
JIS3	18,44	23,897	0,632	0,850
JIS4	18,39	23,873	0,665	0,844
JIS5	18,66	23,523	0,630	0,850
JIS6	18,53	23,381	0,687	0,840
Nhân tố Xung đột gia đình và công việc (Cronbach Alpha = 0,937)				
WFC1	46,84	135,111	0,715	0,932
WFC2	46,76	136,772	0,678	0,933
WFC3	46,79	135,655	0,697	0,932
WFC4	46,64	136,265	0,712	0,932
WFC5	46,88	135,502	0,724	0,931
WFC6	46,84	137,053	0,669	0,933
WFC7	46,79	135,567	0,739	0,931
WFC8	46,82	135,037	0,737	0,931
WFC9	46,73	136,407	0,759	0,930
WFC10	46,76	135,915	0,742	0,931
WFC11	46,76	139,346	0,679	0,933
WFC12	46,82	137,294	0,726	0,931
WFC13	46,75	143,889	0,610	0,935
WFC14	46,53	145,331	0,506	0,937
Nhân tố Áp lực công nghệ (Cronbach Alpha = 0,960)				
TS1	47,16	170,529	0,796	0,957

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach Alpha nếu loại biến
TS2	47,54	164,264	0,810	0,957
TS3	47,23	168,397	0,739	0,958
TS4	47,18	171,065	0,794	0,957
TS5	47,01	173,535	0,732	0,958
TS6	47,29	167,926	0,747	0,958
TS7	47,42	167,836	0,757	0,958
TS8	47,38	166,328	0,828	0,956
TS9	47,29	168,508	0,750	0,958
TS10	47,34	166,641	0,808	0,957
TS11	47,29	168,082	0,793	0,957
TS12	47,29	168,281	0,784	0,957
TS13	47,30	167,913	0,802	0,957
TS14	47,31	169,145	0,782	0,957
Nhân tố Hành vi làm việc sáng tạo (Cronbach Alpha = 0,918)				
IWB1	22,10	59,465	0,749	0,906
IWB2	22,18	60,619	0,670	0,911
IWB3	21,97	62,363	0,621	0,914
IWB4	22,06	59,074	0,748	0,906
IWB5	22,13	59,369	0,800	0,903
IWB6	21,98	59,796	0,674	0,911
IWB7	22,23	59,778	0,736	0,907
IWB8	22,04	59,753	0,683	0,911
IWB9	22,35	62,754	0,740	0,908
Nhân tố Hiệu quả công việc (Cronbach Alpha = 0,907)				
JP1	27,42	54,164	0,706	0,896
JP2	27,34	54,525	0,629	0,900
JP3	27,55	53,855	0,701	0,896
JP4	27,59	54,186	0,740	0,894
JP5	27,67	55,504	0,642	0,899
JP6	27,61	55,320	0,680	0,897
JP7	27,52	53,622	0,715	0,895
JP8	27,53	54,627	0,694	0,896
JP9	27,40	54,698	0,659	0,898
JP10	27,70	58,369	0,511	0,906
JP11	27,48	57,233	0,484	0,908

Phụ lục 4. Kết quả ma trận xoay nhân tố lần 2

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố của các thành phần				
	1	**2**	**3**	**4**	**5**
TS8	0,868				
TS10	0,841				
TS11	0,834				
TS2	0,822				
TS14	0,798				
TS13	0,796				
TS12	0,791				
TS5	0,785				
TS7	0,779				
TS6	0,777				
TS1	0,773				
TS4	0,760				
TS9	0,757				
TS3	0,755				
WFC7		0,785			
WFC1		0,776			
WFC9		0,759			
WFC5		0,755			
WFC12		0,751			
WFC8		0,749			
WFC3		0,740			
WFC10		0,735			
WFC4		0,733			
WFC11		0,722			
WFC2		0,697			
WFC6		0,666			
JP4			0,772		
JP6			0,768		
JP1			0,768		
JP8			0,760		
JP7			0,685		
JP5			0,668		
JP3			0,644		
JP9			0,581		
JP2			0,549		
IWB4				0,800	

Biến quan sát	Hệ số tải nhân tố của các thành phần				
	1	**2**	**3**	**4**	**5**
IWB5				0,796	
IWB1				0,792	
IWB6				0,735	
IWB8				0,726	
IWB7				0,706	
IWB2				0,592	
IWB3				0,552	
JIS1					0,768
JIS6					0,728
JIS4					0,682
JIS5					0,679
JIS3					0,661
JIS2					0.620

Phép trích xuất: Principal Axis Factoring.

Phương pháp xoay: Promax with Kaiser Normalization